

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN P  
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2022/DS-ST  
Ngày: 18-8-2022  
V/v “Tranh chấp hợp đồng tín  
dụng”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN P - TỈNH PHÚ YÊN**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trương Thị Thu Hiền;

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Trần Lê;

Bà Phan Thị Thúy Hằng.

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Thanh Hiền - Thư ký Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Phú Yên.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P, tỉnh Phú Yên tham gia phiên tòa:*** Bà Phan Thị Ánh Việt - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện P mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 12/2022/TLST-DS ngày 25 tháng 01 năm 2022 về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/2022/QĐXXST-DS ngày 04 tháng 7 năm 2022, giữa các đương sự:

***- Nguyên đơn:*** Ngân hàng Thương mại cổ phần (TMCP) Đ.

Địa chỉ: 130 P, phường 3, quận P, thành phố H.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Võ Minh T – chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Hàng Thanh H – chức vụ: Nhân viên Ngân hàng TMCP Đ – chi nhánh Phú Yên (theo giấy ủy quyền ngày 05/5/2022; nhận ủy quyền lại từ các quyết định ủy quyền số 399/QĐ-DAB-PC ngày 02/4/2019 của Tổng giám đốc ngân hàng TMCP Đ và Quyết định số 11/QĐ-DAB-HĐQT ngày 24/01/2019 của chủ tịch hội đồng quản trị ngân hàng TMCP Đ);

Địa chỉ: 230 T, phường 4, thành phố T, tỉnh Phú Yên. Có mặt.

***- Bị đơn:*** Bà Nguyễn Thị S, sinh năm: 1968;

Địa chỉ: Thôn P, xã H, huyện P, tỉnh Phú Yên; Vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình tham gia tố tụng nguyên đơn ngân hàng TMCP Đ trình bày:

Bà Nguyễn Thị S có vay tín dụng của ngân hàng TMCP Đ chi nhánh Phú Yên với số tiền 10.000.000 đồng, theo hợp đồng vay số 00823081.0160864201T18007 ngày 19/3/2018, lãi suất 9,6%/năm, thời hạn vay 12 tháng (từ ngày 19/3/2018 đến ngày 19/3/2019), mục đích vay bổ sung vốn kinh doanh, biện pháp bảo đảm tín chấp; Vào ngày 19/3/2018 ngân hàng đã giải ngân cho bà Nguyễn Thị S số tiền 10.000.000 đồng bằng hình thức chuyển tiền vào tài khoản thẻ mở tại Ngân hàng TMCP Đ. Quá trình sử dụng thẻ tính đến ngày 05/5/2022 bà Nguyễn Thị S đã trả được 7.904.000 đồng (trong đó gốc 7.067.077 đồng + lãi 836.923 đồng), còn nợ 4.472.659 đồng (trong đó gốc là 2.932.923 đồng, lãi trong hạn 123.077 đồng, lãi quá hạn 1.416.659 đồng). Ngân hàng TMCP Đ yêu cầu Tòa án buộc bà S phải trả toàn bộ số tiền 4.472.659 đồng bao gồm cả gốc và lãi tính đến ngày 05/5/2022 cho nguyên đơn, ngoài ra nguyên đơn không yêu cầu lãi phát sinh sau ngày 05/5/2022.

Bị đơn Nguyễn Thị S được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần, nhưng đều vắng mặt không đến Tòa. Tại biên bản xác minh ngày 22/4/2022 của TAND huyện P, Công an xã H cung cấp bà Nguyễn Thị S có đăng ký thường trú và cư trú tại thôn P, xã H, huyện P, tỉnh Phú Yên. Khoảng từ ngày 22/3/2022 bà Siêm rời địa phương đi làm thuê, làm mướn nhưng vẫn thường xuyên về nhà. Tòa án đã thụ lý vụ án vào ngày 25/01/2022 và tiến hành gửi thông báo thụ lý vụ án cũng như giấy triệu tập của Tòa án, bà Siêm có ký nhận vào ngày 22/02/2022 nhưng không đến Tòa là thể hiện việc trốn tránh trách nhiệm, không thực hiện nghĩa vụ theo quy định pháp luật. Tòa án tiến hành tổng đạt hợp lệ nhiều lần sau đó nhưng bị đơn đều vắng mặt không lý do, do đó không trình bày ý kiến cũng như không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải tại Tòa án.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn trình bày vẫn giữ nguyên các yêu cầu khởi kiện, yêu cầu bị đơn trả số tiền nợ gốc và lãi là 4.472.659 đồng chót đến ngày xét xử 18/8/2022 (tính đến ngày 05/5/2022 bị đơn còn nợ gốc và lãi là 4.472.659 đồng, sau ngày 05/5/2022 nguyên đơn có chính sách khoanh nợ cho khách hàng nên không yêu cầu tính bất kỳ khoản lãi nào khác). Đồng thời đề nghị Tòa không đưa ông Huỳnh H tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan phải có nghĩa vụ bảo lãnh khoản vay cho bị đơn.

Viện kiểm sát nhân dân huyện P phát biểu quan điểm: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Từ khi thụ lý đến khi xét xử, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử (HĐXX) đều tuân thủ đúng quy định pháp luật. Đương sự chấp hành đúng quy định pháp luật, riêng bị đơn chấp hành không đúng; Về đề xuất giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải có nghĩa vụ trả nợ cho ngân hàng số tiền 4.472.659 đồng tính đến ngày xét xử 18/8/2022, không tính lãi suất tiếp theo; Đồng thời chấp nhận việc không đưa ông Huỳnh H tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; Về án phí bị đơn phải chịu theo quy định pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[2] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn Ngân hàng TMCP Đ khởi kiện hợp đồng tín dụng với bị đơn Nguyễn Thị S có địa chỉ tại thôn P, xã H, huyện P, tỉnh Phú Yên. Đây là quan hệ tranh chấp hợp đồng tín dụng (là trường hợp cụ thể của quan hệ hợp đồng dân sự), thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện P theo quy định tại Khoản 3 Điều 26, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự (BLTTDS).

Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng bị đơn vắng mặt không có lý do. Tòa án căn cứ theo Điều 227, 228 BLTTDS tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo thủ tục chung.

[3] Về thời hiệu khởi kiện: Ngày 19/3/2019 đến hạn phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ, nhưng bà S không thực hiện hợp đồng là vi phạm nghĩa vụ thanh toán, ngân hàng có đơn khởi kiện vào ngày 30/12/2021 là còn trong thời hiệu khởi kiện theo quy định tại Điều 429 BLDS 2015.

[4] Về tư cách tham gia tố tụng: Ông Huỳnh H, sinh năm 1991 có địa chỉ tại thôn P, xã H, huyện P là con bà Nguyễn Thị S, tại đơn đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn do bà Nguyễn Thị S là người vay ghi ngày 18/12/2017, ông Huỳnh H ký đơn với tư cách là người bảo lãnh. Đơn có sự xác nhận của Hội liên hiệp Phụ nữ xã H (người xác nhận tín chấp cho hợp đồng vay vốn) nhưng không có chữ ký của ngân hàng TMCP Đ.

Đối chiếu với quy định tại Điều 335 BLDS 2015 thì “*Bảo lãnh là việc người thứ ba (sau đây gọi là bên bảo lãnh) cam kết với bên có quyền (sau đây gọi là bên nhận bảo lãnh) sẽ thực hiện nghĩa vụ thay cho bên có nghĩa vụ (sau đây gọi là bên được bảo lãnh) nếu khi đến thời hạn thực hiện nghĩa vụ mà bên được bảo lãnh không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ*”.

Do vậy, chưa có sự giao kết về việc bảo lãnh giữa ông Huỳnh H và ngân hàng TMCP Đ cho khoản vay của bà Nguyễn Thị S, nên chưa làm phát sinh nghĩa vụ bảo lãnh của ông H. Bởi lẽ ông H không có quyền lợi bị ảnh hưởng và cũng không có nghĩa vụ liên quan trong vụ kiện, xét yêu cầu của nguyên đơn tại phiên tòa: không đưa ông Huỳnh H tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan để bảo lãnh cho khoản vay của bà S là phù hợp quy định pháp luật tại khoản 4 Điều 68 BLTTDS, nên được chấp nhận.

[5] Về nội dung vụ án: Ngân hàng TMCP Đ- chi nhánh Phú Yên có giao kết hợp đồng tín dụng và thực tế đã giải ngân cho bà Nguyễn Thị S với số tiền 10.000.000 đồng, theo hợp đồng vay số 00823081.0160864201T18007 ngày 19/3/2018, lãi suất 9,6%/năm, thời hạn vay 12 tháng (từ ngày 19/3/2018 đến ngày 19/3/2019), mục đích vay bổ sung vốn kinh doanh, biện pháp bảo đảm tín chấp. Quá trình sử dụng thẻ tính đến ngày 30/01/2019 bà Nguyễn Thị S đã trả được 7.904.000 đồng (trong đó gốc 7.067.077 đồng + lãi 836.923 đồng), tính đến ngày 05/5/2022 còn nợ 4.472.659 đồng (trong đó gốc là 2.932.923 đồng, lãi

trong hạn 123.077 đồng, lãi quá hạn 1.416.659 đồng). Như vậy, về hình thức và nội dung giao kết hợp đồng là phù hợp với quy định pháp luật, bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán từ ngày 30/01/2019 đến nay không thực hiện nghĩa vụ thanh toán phần nợ còn lại cho nguyên đơn, nên nguyên đơn yêu cầu khởi kiện buộc bị đơn có nghĩa vụ thanh toán số tiền gốc còn lại là 2.932.923 đồng là có căn cứ để chấp nhận.

Xét về yêu cầu trả nợ lãi của ngân hàng TMCP Đông Á: Tại mục 2.3 của điều khoản và điều kiện cấp tín dụng do các bên ký kết có nội dung “sau 10 ngày kể từ ngày đến hạn thanh toán, hoặc khi hết thời hạn cho vay mà bên vay vẫn không trả hoặc trả không đầy đủ nợ vay và không được ngân hàng chấp thuận cơ cấu thời hạn trả nợ, thì ngân hàng có quyền chuyển toàn bộ nợ gốc của hợp đồng này sang nợ quá hạn và bên vay phải chịu lãi suất quá hạn theo quy định kể từ ngày kế tiếp của ngày đến hạn thanh toán hoặc khi hết thời hạn cho vay”. Như vậy, từ ngày 20/01/2019 đến ngày 30/01/2019 bà S không tiếp tục thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho ngân hàng, do đã vi phạm hợp đồng tín dụng kể từ ngày 20/01/2019 nên đến ngày 30/01/2019 nguyên đơn đã chuyển toàn bộ số tiền nợ gốc sang nợ quá hạn, lãi suất quá hạn được tính 150% lãi trong hạn 14.4%/năm, là phù hợp với quy định tại Điều 357, điều 468 BLDS năm 2015, điều 91, 95 Luật các Tổ chức tín dụng và Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối Cao. Vậy nên yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn phải có nghĩa vụ trả lãi tính trên nợ gốc còn lại là 2.932.923 đồng, trong đó lãi trong hạn 123.077 đồng, lãi quá hạn 1.416.659 đồng, là có căn cứ nên được chấp nhận.

Tại phiên tòa nguyên đơn thay đổi nội dung yêu cầu khởi kiện, không tính các khoản lãi suất theo hợp đồng tín dụng tiếp theo từ ngày 06/5/2022, chốt tới thời điểm xét xử sơ thẩm ngày 18/8/2022 nguyên đơn chỉ yêu cầu bị đơn phải trả số tiền 4.472.659 đồng. Nguyên nhân là do Ngân hàng TMCP Đ có chính sách khoan lãi cho bị đơn lâm vào hoàn cảnh khó khăn, mất khả năng trả nợ, nên nguyên đơn không yêu cầu khởi kiện nội dung này, là phù hợp với phạm vi khởi kiện ban đầu và có lợi cho bị đơn nên được Tòa án chấp nhận.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án, cho đến khi thi hành án xong, bên thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng số 00823081.0160864201T18007 giữa Ngân hàng TMCP Đông Á và bà Nguyễn Thị S và phải phù hợp với quy định tại điều 468 BLDS năm 2015.

[6] Đối với các đề xuất của Kiểm sát viên phù hợp với nhận định của HĐXX nên được chấp nhận.

[7] Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của BLTTDS và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Hoàn lại tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn là Ngân hàng TMCP Đ.

*Vì các lẽ trên;*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 3 Điều 26, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, 228, Điều 273 BLTTDS; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào Điều 91, 95 Luật các Tổ chức tín dụng.

Căn cứ vào Điều 429, 357, 468 BLDS năm 2015.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ngân hàng TMCP Đ.

Buộc bị đơn bà Nguyễn Thị S phải có nghĩa vụ trả toàn bộ số tiền 4.472.659 đồng cho nguyên đơn là Ngân hàng TMCP Đ (*Trong đó nợ gốc 2.932.923 đồng; nợ lãi trong hạn 123.077 đồng và nợ lãi quá hạn 1.416.659 đồng*), theo hợp đồng tín dụng mà các bên đã ký kết.

Trường hợp người có quyền có đơn yêu cầu thi hành án mà người có nghĩa vụ không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ của mình thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được thực hiện theo mức lãi suất các bên thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng số 00823081.0160864201T18007 giữa Ngân hàng TMCP Đ và bà Nguyễn Thị S và phải phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Về án phí: Bị đơn Nguyễn Thị S phải chịu 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn lại cho nguyên đơn Ngân hàng TMCP Đ số tiền 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) đã nộp tạm ứng án phí tại biên lai thu tiền số 0004312 ngày 25/01/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện P, tỉnh Phú Yên.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày tính từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, tính từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

### Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện P;
- Chi cục THADS huyện P;
- TAND tỉnh Phú Yên;
- VKSND tỉnh Phú Yên;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**  
(*đã ký*)

**Trương Thị Thu Hiền**

